



ĐGNL TIẾNG ANH

CHUYÊN ĐỀ 3. CÂU ĐIỀU KIỆN VÀ CÂU ĐIỀU ƯỚC-ĐỀ CƯƠNG

I. CÂU ĐIỀU KIỆN

A. CÁC LOẠI ĐIỀU KIỆN

CÁC LOẠI ĐIỀU KIỆN	DẠNG THỨC VÀ CÁC DÙNG	VÍ DỤ MINH HỌA
Điều kiện loại 0	<p>Công thức: If+ S + V (hiện tại đơn), S+ V (hiện tại đơn)</p> <p>Cách dùng: dùng để diễn đạt một sự thật hiển nhiên, một chân lí, quy luật hoặc một thói quen.</p>	<p>If we boil water, it vapors. (Nếu chúng ta đun nước, nước sẽ bốc hơi.)</p>
Điều kiện loại 1	<p>Công thức: If+ S + V (hiện tại), S+ will/ won't + V_{bare}</p> <p>Cách dùng: Điều kiện có thật trong hiện tại hoặc tương lai (real condition in the present or future): dùng để diễn tả hành động có thể thực hiện/ xảy ra trong hiện tại hoặc tương lai. → Giả định cho những sự việc có thể xảy ra</p> <p>Lưu ý: Các động từ tình thái <i>can, may, might, should, ought to, have to, must,</i> có thể được dùng trong mệnh đề chính (main clause).</p>	<p>VD 1: If he runs, he will get there in time. (Nếu anh ấy chạy thì anh ấy sẽ đến đó kịp lúc.)</p> <p>VD 2: If you have finished your work, you can go home. (Nếu bạn xong việc thì bạn có thể về.)</p>
Điều kiện loại 2	<p>Công thức: If + S + V₂, S+ would(not) + V_{bare}</p>	<p>VD 1: If I knew her name, I would tell you.</p>



	<p>Cách dùng: Điều kiện không có thật trong hiện tại (Unreal condition in the present): diễn tả những hành động không có thật hoặc không thể xảy ra trong hiện tại hoặc tương lai. →Giả định trái với hiện tại</p>	<p>(Nếu tôi biết tên cô ấy, tôi sẽ nói với anh.) → but I don't know her name</p> <p>VD 2: If he <u>was</u> older, he <u>would be</u> wiser. (Nếu nó lớn hơn, nó sẽ khôn ngoan hơn.)</p>
Điều kiện loại 3	<p>Công thức: If+ S + had P2, S + would + have + P2</p> <p>Cách dùng: Điều kiện không có thật trong quá khứ (Unreal condition in the past): diễn tả những hành động không có thật trong quá khứ. →Giả định trái với quá khứ</p>	<p>If you <u>had invited</u> Sue, she <u>would have come</u>. (Giá mà bạn mời Sue thì cô ấy đã đến rồi.) →but you didn't invite Sue so she didn't come.</p> <p>VD 2: If you <u>had finished</u> your homework, you <u>wouldn't have been punished</u>.</p>
Điều kiện trộn	<p>Điều kiện trộn 2 và 3: không có thật trong hiện tại và không có thật trong quá khứ</p> <p>Công thức: If + S + V₂, S + would + have + P2</p>	<p>VD 1: If I <u>knew</u> you were coming, I <u>would have baked</u> a cake. (Nếu biết bạn đến thì tôi đã nướng bánh rồi.)</p> <p>VD 2: If she <u>wasn't</u> afraid of flying, she <u>wouldn't have travelled</u> by boat.</p>
	<p>Điều kiện trộn 3 và 2: giả định sự việc không có thật trong quá khứ và kết quả không có thật ở hiện tại.</p> <p>Công thức:</p>	<p>VD 1: If I <u>had studied</u>, I <u>would have</u> my driving license. (but I didn't study and now I don't have my license)</p>



	If + S + had P2, S + would + V _{bare} + now/ at present/ right now/ today	VD 2: If you had gone to bed earlier last night, you wouldn't be tired now .
--	--	---

B. ĐẢO NGỮ CỦA CÂU ĐIỀU KIỆN

CÂU ĐIỀU KIỆN	ĐẢO NGỮ
Loại 1	<p>Công thức: If+ S + V (hiện tại), S+ will/ won't + V_{bare} → Dạng đảo ngữ: Should + S + (not) V_{bare}, S+ will/ won't + V_{bare}</p> <p>VD 1: If anybody phones me, please tell them I'm busy. → Should anybody phone me, please tell them I'm busy.</p> <p>VD 2: If you don't believe what I said, ask your mother. → Should you not believe what I said, ask your mother.</p>
Loại 2	<p>Công thức: If + S + V2, S+ would(not) + V_{bare} → Dạng đảo ngữ: Were + S (not) To V_{bare}, S+ would(not) + V_{bare}</p> <p>VD 1: If I were you, I wouldn't do that. → Were I you, I wouldn't do that.</p> <p>VD 2: If he worked more slowly, he wouldn't make many mistakes. → Were he to work more slowly, he wouldn't make many mistakes.</p>
Loại 3	<p>Công thức: If+ S + had P2, S + would + have + P2 → Dạng đảo ngữ: Had+ S + (not) P2, S + would + have + P2</p> <p>VD: If I hadn't seen it, I wouldn't have believed it. → Had I not seen it, I wouldn't have believed it.</p>

Những cách khác để diễn tả điều kiện

1. Unless = if... not; except if (nếu... không; trừ khi)

VD: I'll take the job **unless** the pay is too low. (= if the pay isn't too low / except if the pay is too low)



(Tôi sẽ nhận công việc đó nếu tiền lương không quá thấp.)

2. Dùng với Without / But for + N/Ving (nếu không) hoặc If it weren't for/ If it hadn't been for + N/Ving

VD: If you did not help me, I would not overcome the trouble.

→ **Without / But for your help**, I would not overcome the trouble.

→ **If weren't for your help**, I would not overcome the trouble.

(Nếu không có sự giúp đỡ của bạn thì tôi đã không vượt qua được rắc rối đó.)

3. Dùng với Otherwise (Nếu không thì) hoặc Or

VD 1: Call home, **otherwise** your parents **will start** to worry.

VD 2: Hurry up, **or** we will be late for the train

VD 3: Her parents **support** her finance, otherwise she **couldn't become** a famous actor.

VD 4: He **helped** me to prepare some information, **otherwise** I **wouldn't have finished** this report on schedule.

Lưu ý: Or chỉ dùng trong câu điều kiện loại 1

4. Các từ tương đương như if: Imagine (that), suppose/ supposing (that) (giả sử như), provided/ providing (that), as/ so long as, on condition (that) (miễn là, với điều kiện là), or/ otherwise (nếu không), only if (chỉ khi), in case (nếu),...

VD 1: Start soon, **otherwise** you will be late. (Hãy bắt đầu sớm, nếu không bạn sẽ trễ.) [= If you do not start soon, you will be late.]

VD 2: I'll give you the day off **on condition that** you work on Saturday morning. (Tôi sẽ cho anh nghỉ một ngày với điều kiện anh phải làm việc sáng thứ Bảy.)

VD 3: You can get a senior citizen's reduction **providing** you've got a rail card.

VD 4: They may do whatever they like **provided that** it is within the law.

VD 5: **Supposing** he hadn't recognized us, he might never have spoken to us.

II. CÂU ĐIỀU ƯỚC

Sau **wish** và **if only** có 3 loại mệnh đề được dùng để chỉ sự ao ước ở tương lai, hiện tại và quá khứ.

NOTE: **If only** = **I/We wish** (Ước gì, giá mà) thường được dùng để diễn đạt ước muốn, mạnh hơn và rõ ràng hơn wish



1. Ao ước ở tương lai (Future wish): mong điều gì đó sẽ xảy ra trong tương lai.

S + wish
If only + S + would / could + V_{BARE}

VD 1: I wish we **would not have** an exam tomorrow. (Uớc gì ngày mai chúng tôi không phải thi.)

VD 2: If only it **would stop** raining, we could go out. (Giá mà trời tạnh mưa, chúng ta có thể đi chơi.)

2. Ao ước ở hiện tại (Present wish): ước điều không thể xảy ra trong hiện tại.

S + wish
If only + S + V2

VD 1: I wish I **was** rich. (Uớc gì tôi giàu có.) → but I'm poor now

VD 2: If only **I knew** her name. (Uớc gì tôi biết tên cô ấy.)

Lưu ý: Were có thể được dùng thay cho was trong cấu trúc này, nhất là trong lối văn trịnh trọng.

VD: I wish **I were** rich.

3. Ao ước ở quá khứ (Past wish): ước điều gì đó đã hoặc đã không xảy ra trong quá khứ.

S + wish
If only + S + had P2

VD 1: I wish I **had succeeded** in the final exam. (Uớc gì tôi đã đậu kỳ thi cuối khóa.)

→ but I failed the exam

VD 2: If only you **hadn't said** that. (Giá mà anh đã không nói điều đó.)

BÀI TẬP ÁP DỤNG

Câu 1: [EMPIRE TEAM] If she _____ me during the critical presentation, tell her to leave a message.

A. calls

B. will call

C. called

D. would call



- Câu 2:** [EMPIRE TEAM] John will come to pick me up from the office _____ the traffic is too congested.
A. if B. unless C. provided that D. in case
- Câu 3:** [EMPIRE TEAM] _____ you need to leave the meeting earlier than expected, how should you inform the host without causing too much disruption?
A. As B. If C. Though D. When
- Câu 4:** [EMPIRE TEAM] If you unexpectedly won the jackpot tomorrow, _____ with the prize money?
A. what will you do B. what had you done
C. what would you do D. what did you do
- Câu 5:** [EMPIRE TEAM] If we start the project immediately, we _____ additional team members to meet the deadline effectively.
A. will need B. need C. would need D. needed
- Câu 6:** [EMPIRE TEAM] If Sarah _____ 20 years younger, she _____ around the world.
A. is / will travel B. was / has traveled
C. had been / will have traveled D. were / would travel
- Câu 7:** [EMPIRE TEAM] You will not be allowed to attend the conference _____ you are officially registered and have received a confirmation email from the organizers.
A. unless B. if
C. providing that D. supposing that
- Câu 8:** [EMPIRE TEAM] _____ the company had invested in advanced technology earlier.
A. If B. If only C. Unless D. Even if
- Câu 9:** [EMPIRE TEAM] If the CEO _____ that last-minute flight to the headquarters, he _____ at the board meeting now.
A. took / were B. were taking / is
C. had taken / would have been D. had taken / would be
- Câu 10:** [EMPIRE TEAM] If he _____ the extra budget and resources last quarter, he _____ completed the project on time.
A. has / will have finished B. had / would finish
C. had had / would have finished D. had had / would finish
- Câu 11:** [EMPIRE TEAM] _____ the contractor arrives within the next hour, we will have begin project without him.
A. Suppose B. Provided C. Unless D. If
- Câu 12:** [EMPIRE TEAM] _____ Elon Musk's wealth and influence, I would invest in groundbreaking renewable energy projects around the globe.
A. If I had B. If I have C. Unless I had D. If I had had
- Câu 13:** [EMPIRE TEAM] _____ present at the negotiations, our legal team would ensure that the terms were more favorable to us.
A. Were our lawyer B. If our lawyer had been
C. Was our lawyer D. Unless our lawyer were



- Câu 14:** [EMPIRE TEAM] _____ more cautiously last night, she would have avoided the accident.
A. If Jane drove B. Had Jane driven
C. Only if Jane could drive D. Unless Jane had driven
- Câu 15:** [EMPIRE TEAM] If it _____ this weekend, we will have to reschedule the outdoor event to a later date.
A. will rain B. is raining C. would rain D. rains
- Câu 16:** [EMPIRE TEAM] We _____ more opportunities to succeed if the team _____ a better strategy from the beginning.
A. will have had / had developed B. will have / were developing
C. would have / developed D. would have had / had developed
- Câu 17:** [EMPIRE TEAM] _____, please inform him that I will be in a meeting until 4 PM, and he can reach out afterward.
A. If Mr. Johnson call B. Provided Mr. Johnson called
C. Should Mr. Johnson call D. If Mr. Johnson will call
- Câu 18:** [EMPIRE TEAM] _____ you apologize to the client for the delay in delivery, they might not consider placing another order with us in the future.
A. Unless B. If C. As if D. Even if
- Câu 19:** [EMPIRE TEAM] Practice consistently, _____ you will not see significant improvement in your skill level.
A. and B. or C. in case D. if
- Câu 20:** [EMPIRE TEAM] The hike wasn't comfortable as it was much colder than we had anticipated; _____ we had brought warmer clothing.
A. If B. Unless C. But for D. If only
- Câu 21:** [EMPIRE TEAM] _____, the team would not have been able to secure such a high-profile client.
A. Due to thorough preparations
B. But for they had had thorough preparations
C. Without thorough preparations
D. If their thorough preparations
- Câu 22:** [EMPIRE TEAM] (*Điều kiện ẩn*) Thank goodness Mike remembered the password! _____ the document without him?
A. Could you have accessed B. Would you access
C. Would you be able to access D. Could you access
- Câu 23:** (*Điều kiện ẩn*) Looking back, it's clear we were underprepared. Even with extra time, we _____ on time.
A. shouldn't complete B. wouldn't be able to complete
C. wouldn't have completed D. wouldn't complete
- Câu 24:** [EMPIRE TEAM] (*Điều kiện ẩn*) The building is so old and worn that no renovation can make it appear modern. Even if we _____ it with the latest materials, which, of course, is out of the Câu.



- Câu 36:** [EMPIRE TEAM] If Mary _____ so much time on the computer last night, her eyes _____ so tired now.
A. did not work / would not be B. were not working / would not be
C. had not been working / would not be D. had not worked / would not have been
- Câu 37:** [EMPIRE TEAM] It's a shame I missed the concert. I wish _____ it.
A. I had attended B. I would attend
C. I would have attended D. I attended
- Câu 38:** [EMPIRE TEAM] I am exhausted from working so much; _____ at home relaxing instead of dealing with this chaos.
A. Supposing that I had been B. if I was
C. Provided that I was D. If only I were
- Câu 39:** [EMPIRE TEAM] They insulted him yesterday, so he didn't come to the party with us. → If only they _____ him yesterday so that he _____ to the party with us
A. would not have insulted / were coming B. did not insult / will come
C. had not insulted / would have come D. had not insulted / had come
- Câu 40:** [EMPIRE TEAM] I'm worried very few guests know about the party, and hardly anyone will attend. If only the invitations _____ on time.
A. were sending B. had been sent C. were sent D. would send
- Câu 41:** [EMPIRE TEAM] I wish I _____ as confident as you are right now.
A. am being B. am C. hadn't been D. were
- Câu 42:** [EMPIRE TEAM] I regret not catching the bus on time! I wish the alarm _____ a bit earlier.
A. would ring B. had rung C. rang D. did ring
- Câu 43:** [EMPIRE TEAM] I left the restaurant early because I thought you wouldn't show up. Now I wish I _____ a little longer.
A. had stayed B. did stay C. would have stayed D. would stay
- Câu 44:** [EMPIRE TEAM] Every time we go on a family trip, I wish my sister _____ complaints about the travel arrangements. Well, most of the time she does.
A. won't make B. didn't make
C. doesn't make D. wouldn't make
- Câu 45:** [EMPIRE TEAM] I wish _____ at the beach right now, enjoying the waves and sunshine instead of being stuck in the office.
A. I am B. I would be C. I had been D. I were
- Câu 46:** [EMPIRE TEAM] Peter behaved terribly at the dinner; I wish _____ him to the event.
A. I do not invite B. I did not invite
C. I had not invited D. I would not invite
- Câu 47:** [EMPIRE TEAM] I wish she _____ up for a while and allow others to voice their opinions.
A. will shut B. would shut C. is going to shut D. shut



- Câu 48:** [EMPIRE TEAM] Peter wishes that he _____ part in the match, but his injury prevents him from participating.
 A. can take B. is taking C. were taking D. had taken
- Câu 49:** [EMPIRE TEAM] I wish you _____ borrowing money from me all the time; you never repay it.
 A. would not keep B. do not keep C. are not keeping D. have not kept
- Câu 50:** [EMPIRE TEAM] Mary assured her friends she would be on time. She wishes she _____ because now she's running late and they're waiting for her.
 A. promised B. did not promise
 C. would not promise D. had not promised
- Câu 51:** [EMPIRE TEAM] Peter's apartment gets extremely hot in the summer. He wishes _____ so unbearable.
 A. that it were not B. if it was not
 C. that had not been D. if it would not
- Câu 52:** [EMPIRE TEAM] The movie was disappointing; we wish _____ our money on tickets for such a terrible film.
 A. if we did not spend B. that we did not spend
 C. that we had not spent D. whether we had not spent
- Câu 53:** [EMPIRE TEAM] We wish it _____ raining soon so that we can finally go on our planned hike.
 A. stops B. will stop C. would stop D. had stopped

THE END.